

Số: KH1T-24/12h00/DBQG-DBKH

Hà Nội, ngày 21 tháng 8 năm 2026

**BẢN TIN DỰ BÁO KHÍ HẬU THỜI HẠN THÁNG  
TRÊN PHẠM VI TOÀN QUỐC**  
(Thời kỳ từ 21/8-20/9/2026)

**1. Phân tích, đánh giá thời tiết, khí hậu nổi bật thời kỳ 21/7-20/8/2026**

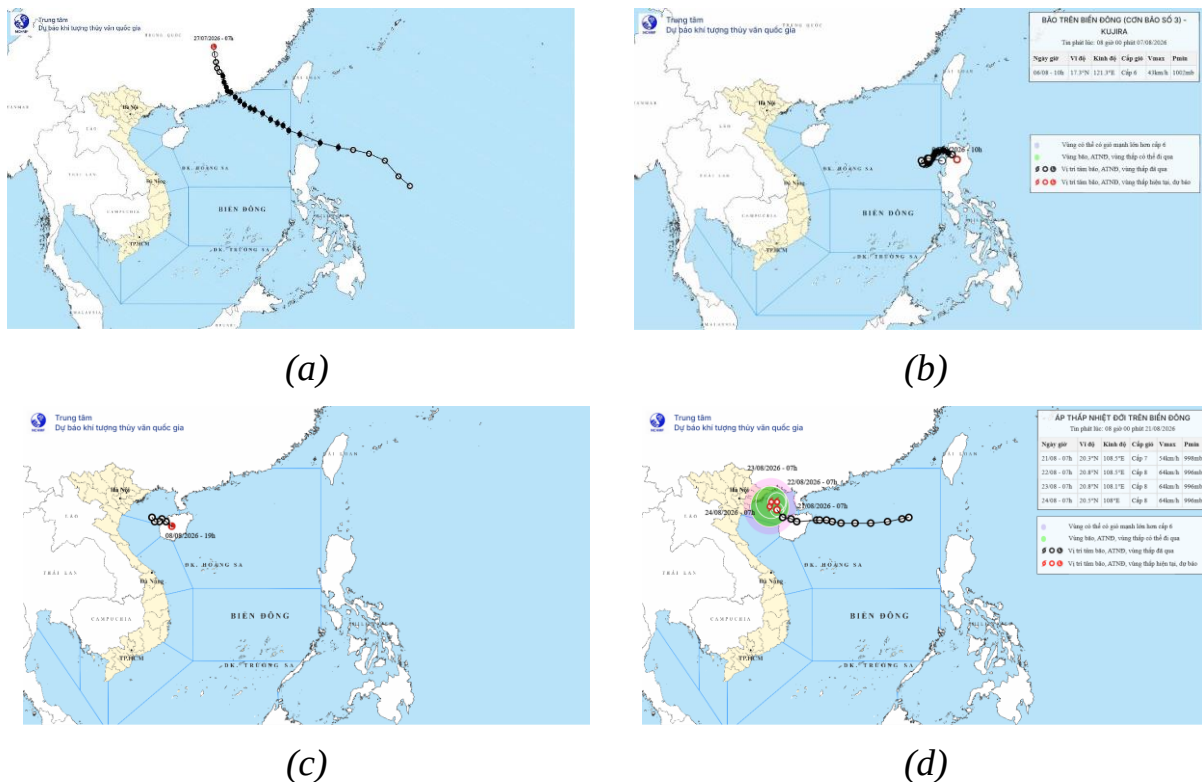
+ **Bão và áp thấp nhiệt đới (ATNĐ):** Trong thời kỳ 21/7-20/8/2026, trên khu vực Biển Đông đã xuất hiện 04 cơn bão và ATNĐ gồm cơn bão số 02 (NOUL), cơn bão số 03 (KUJIRA) và 02 ATNĐ (Hình 1), diễn biến cụ thể như sau:

**Bão số 2:** Sáng ngày 23/7, một vùng áp thấp gần khu vực Biển Đông (phía Đông đảo Lu-Dông, Phi-líp-pin) mạnh lên thành ATNĐ. Đêm 23/7, ATNĐ mạnh lên thành bão, có tên quốc tế là NOUL, trở thành cơn bão số 02 trong năm 2026 trên khu vực Biển Đông. Hồi 07 giờ ngày 24/7, bão số 02 có cường độ gió mạnh cấp 8, giạt cấp 10, di chuyển theo hướng Tây Tây Bắc với tốc độ khoảng 25km/h. Tối 24/7, bão số 02 đi vào vùng biển phía Đông Bắc khu vực Bắc Biển Đông với cường độ mạnh cấp 10, giạt cấp 12. Bão tiếp tục di chuyển chủ yếu theo hướng Tây Tây Bắc rồi Tây Bắc, đến sáng ngày 26/7 đi vào đất liền phía Nam tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc) rồi suy yếu dần. Hồi 16 giờ ngày 26/7, vị trí tâm bão trên đất liền phía Nam tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc), cường độ gió mạnh cấp 8, giạt cấp 10, di chuyển theo hướng Bắc Tây Bắc với tốc độ 10-15km/h suy yếu, tan dần.

**Bão số 3:** Chiều ngày 04/8, một ATNĐ trên khu vực đảo Lu-Dông, Phi-líp-pin di chuyển vào phía Đông Nam khu vực Bắc Biển Đông. Đêm 04/8, ATNĐ mạnh lên thành bão, trở thành cơn bão số 03 năm 2026, có tên quốc tế là KUJIRA. Hồi 04 giờ ngày 05/8, vị trí tâm bão số 03 ở vào khoảng 17,0 độ Vĩ Bắc; 118,9 độ Kinh Đông, cường độ gió mạnh cấp 8, giạt cấp 10, di chuyển theo hướng Đông với tốc độ khoảng 10km/h. Đêm 05/8, bão số 03 di chuyển ra ngoài khu vực Biển Đông. Hồi 01 giờ ngày 06/8, vị trí tâm bão ở vào khoảng 18,0 độ Vĩ Bắc; 120,2 độ Kinh Đông, trên vùng biển phía Tây Bắc đảo Lu-Dông (Phi-líp-pin), cường độ gió mạnh cấp 8, giạt cấp 10, di chuyển theo hướng Đông Đông Bắc với tốc độ 10-15km/h, suy yếu và tan dần.

**ATNĐ:** Sáng ngày 07/8, một vùng áp thấp trên khu vực Vịnh Bắc Bộ mạnh lên thành ATNĐ. Trong hai ngày 07-08/8, ATNĐ di chuyển chậm, cường độ ít thay đổi (cấp 6, giật cấp 8) trên khu vực Vịnh Bắc Bộ rồi dịch dần về phía đảo Hải Nam (Trung Quốc). Hồi 19 giờ ngày 08/8, ATNĐ đã suy yếu thành một vùng áp thấp trên khu vực đảo Hải Nam (Trung Quốc), vị trí trung tâm vùng áp thấp ở vào khoảng 19,2 độ Vĩ Bắc; 109,5 độ Kinh Đông, sức gió mạnh nhất giảm xuống dưới cấp 6; ATNĐ không ảnh hưởng đến vùng ven biển và đất liền Việt Nam.

**ATNĐ:** Sáng ngày 18/8, vùng áp thấp trên vùng biển phía Đông khu vực Bắc Biển Đông đã mạnh lên thành ATNĐ, di chuyển chủ yếu theo hướng Tây Tây Bắc với tốc độ khoảng 5km/h. Vào sáng ngày 21/8, vị trí tâm áp thấp nhiệt đới ở trên khu vực Bắc Vịnh Bắc Bộ, cách đặc khu Bạch Long Vĩ khoảng 100km về phía Đông, sức gió mạnh nhất vùng gần tâm áp thấp nhiệt đới mạnh cấp 7 (50-61km/h), giật cấp 9, di chuyển chủ yếu theo hướng Tây Bắc, tốc độ khoảng 5km/h. Do ảnh hưởng của ATNĐ tại đặc khu Bạch Long Vĩ (Hải Phòng) đã có gió mạnh cấp 7, giật cấp 9, Cô Tô (Quảng Ninh) có gió mạnh cấp 6, giật cấp 9.



Hình 1: Quỹ đạo cơn bão số 2 (a); Bão số 3 (b); ATNĐ 07/8 (c); ATNĐ 18/8 (d)

+ **Đông, lốc, sét:** Trên phạm vi toàn quốc đã xảy ra một số trận đông, lốc và mưa đá (Phụ lục- Bảng 1).

+ **Mưa diện rộng:** Trong thời kỳ 21/7-20/8/2026, tại khu vực Bắc Bộ đã xuất hiện 03 đợt mưa vào các thời đoạn: Từ ngày 23-25/7, 27/7-08/8 và từ ngày 17-20/8. Trong các đợt mưa đã xuất hiện nhiều nơi có mưa to đến rất to riêng ngày 28-29/07, 05/08 và 19/8 xảy ra mưa vừa, mưa to diện rộng.

Khu vực từ Trung Bộ xảy ra 03 đợt mưa diện rộng: Từ ngày 28/7-09/8, 14-16/8 và 18-20/8 trong đó mưa tập trung nhiều ở phía Bắc khu vực, đáng chú ý đợt mưa từ 18-20/8 khu vực Thanh Hóa – Huế đã xảy ra mưa vừa mưa to diện rộng trong các ngày 19 và 20/8, nhiều nơi ghi nhận lượng mưa phổ biến 100-200mm, có nơi trên 250mm.

Khu vực Cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ xuất hiện nhiều ngày mưa diện rộng vào các đợt từ ngày 23/7-01/8 và 04-20/8. Riêng khu vực Cao nguyên Trung Bộ có mưa vừa, mưa to diện rộng vào các ngày 11/8 và 19/8.

Trong thời kỳ 21/7-10/8/2026, một số trạm khí tượng đã quan trắc được giá trị lượng mưa ngày vượt giá trị lịch sử (GTLS) cùng thời kỳ (*Phụ lục-Bảng 2*).

+ **Nắng nóng (NN):** Trong thời kỳ 21/7-20/8/2026, khu vực Bắc Bộ xuất hiện 02 đợt NN diện rộng: Từ ngày 08-13/8 và từ ngày 15-17/8, với nhiệt độ cao nhất phổ biến 35,0-38,0<sup>0</sup>C, có nơi trên 39,0<sup>0</sup>C.

Khu vực Trung Bộ đã xảy ra 04 đợt NN diện rộng vào các thời kỳ: Từ ngày 18-23/7, 26-27/7 và từ ngày 02-04/8 tại khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ và đợt kéo dài nhất trong cả thời kỳ từ 09-18/8, với nhiệt độ cao nhất 35,5-37,5<sup>0</sup>C, có nơi cao hơn.

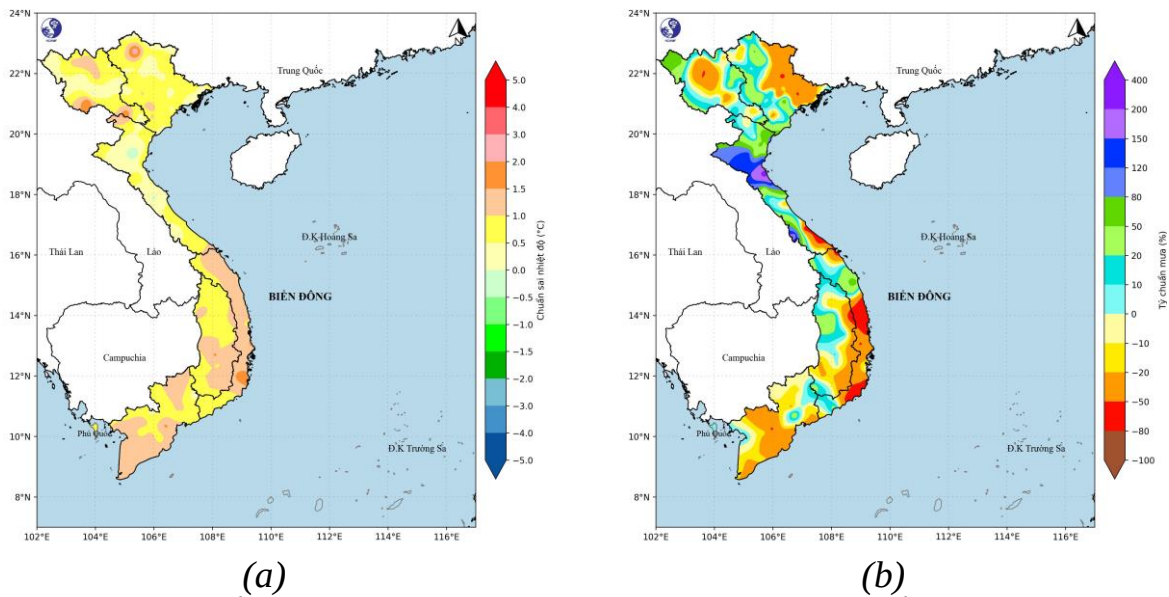
Khu vực Nam Bộ xuất hiện một số ngày NN cục bộ với nhiệt độ cao nhất ngày phổ biến 35,0-36,0<sup>0</sup>C.

Trong thời kỳ 21/7-20/8/2026, một số trạm khí tượng đã ghi nhận được nhiệt độ cao nhất tuyệt đối ngày vượt GTLS cùng thời kỳ (*Phụ lục-Bảng 3*).

+ **Nhiệt độ trung bình (NĐTB):** Trong thời kỳ 21/7-20/8/2026, NĐTB tại khu vực Bắc Bộ và Thanh Hóa-Tp. Huế phổ biến xấp xỉ và cao hơn từ 0,5-1,0<sup>0</sup>C so với TBNN cùng thời kỳ; khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ, Cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ NĐTB cao hơn so với TBNN từ 1,0-1,5<sup>0</sup>C (*Hình 2a*).

+ **Lượng mưa:** TLM trong thời kỳ 21/7-20/8/2026 lượng mưa trên cả nước phân bố không đồng đều, khu vực Trung du đồng bằng Bắc Bộ, Thanh Hóa – Hà Tĩnh và một số nơi ở Quảng Ngãi, Gia Lai có lượng mưa phổ biến cao

hơn 20-40%, có nơi cao hơn 70-150% so với TBNN. Các khu vực khác lượng mưa phổ biến ở mức xấp xỉ và thấp hơn 30-50%, có nơi thấp hơn 70% so với TBNN cùng thời kỳ (Hình 2b).

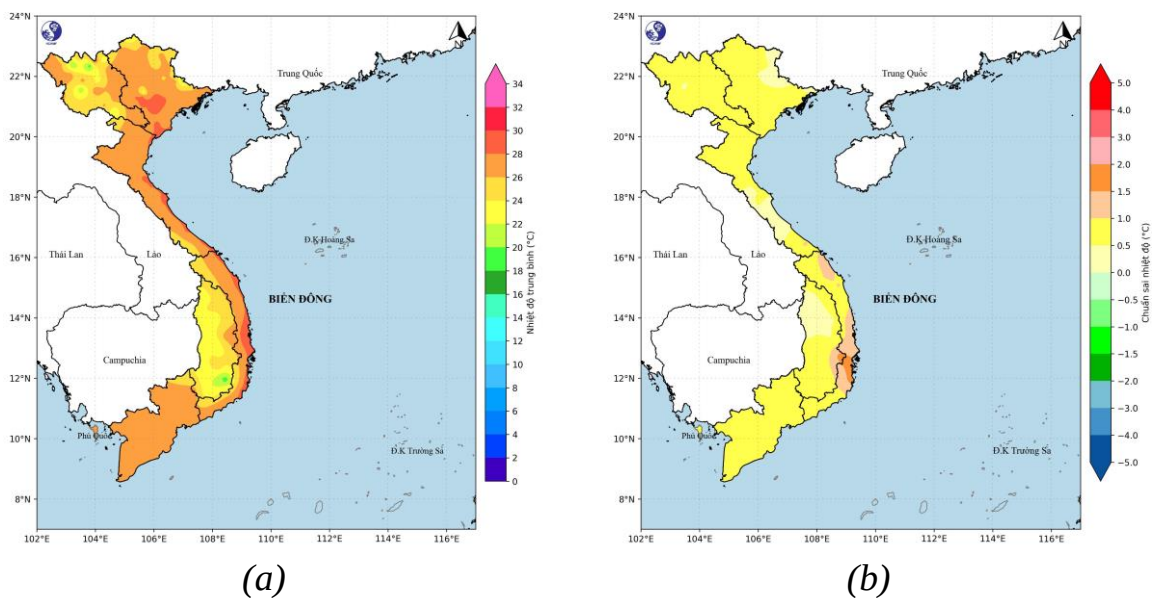


Hình 2: (a) Chuẩn sai nhiệt độ trung bình ( $^{\circ}\text{C}$ ) và (b) Tỷ chuẩn lượng mưa (%) thời kỳ 21/7-20/8/2026

## 2. Dự báo xu thế khí hậu từ ngày 21/8-20/9/2026

### 2.1. Dự báo xu thế NĐTB

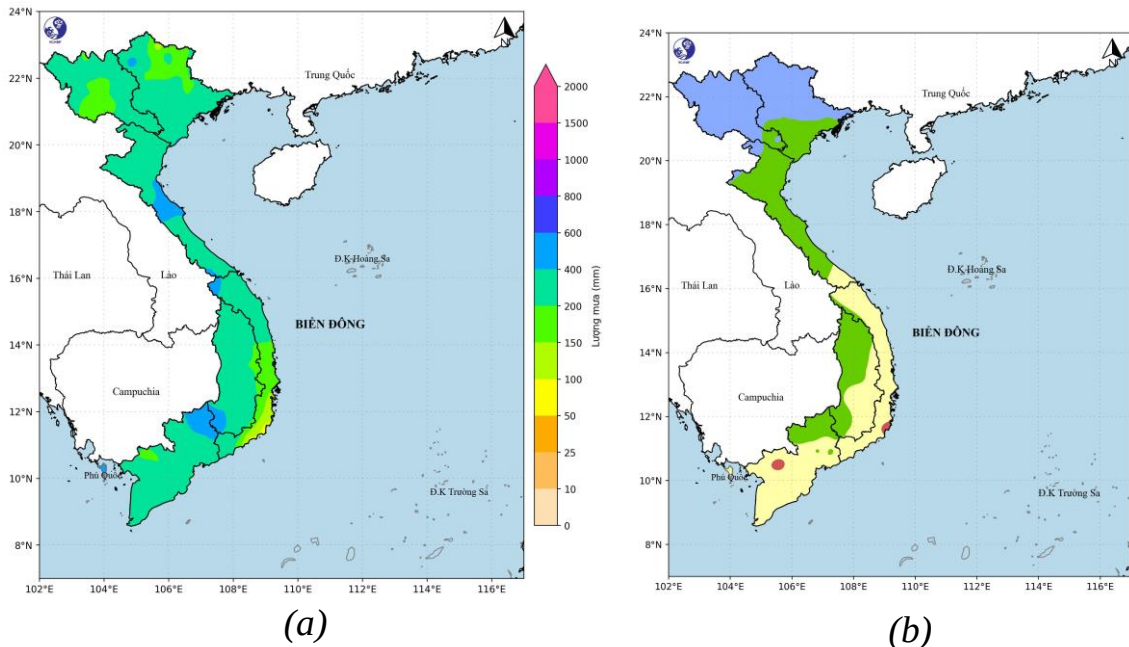
Trong thời kỳ dự báo, NĐTB trên toàn quốc phổ biến cao hơn so với TBNN từ 0,5-1,0 $^{\circ}\text{C}$ , riêng khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ có nơi cao hơn 1,0 $^{\circ}\text{C}$  so với TBNN cùng thời kỳ (Hình 3b).



Hình 3: (a) Nhiệt độ trung bình ( $^{\circ}\text{C}$ ) TBNN từ 21/8-20/9; (b) Dự báo chuẩn sai nhiệt độ trung bình ( $^{\circ}\text{C}$ ) từ 21/8-20/9/2026

## 2.2. Dự báo xu thế lượng mưa

Trong thời kỳ từ 21/8-20/9/2026, TLM tại khu vực Bắc Bộ, các tỉnh từ Thanh Hóa đến Quảng Trị phổ biến cao hơn từ 10-30% so với TBNN cùng thời kỳ, khu vực còn lại của Trung Bộ bao gồm Tp.Huế và các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ, các tỉnh Tây Nam Bộ phổ biến thấp hơn từ 5-20% so với TBNN cùng thời kỳ, khu vực Cao nguyên Trung Bộ và miền Đông Nam Bộ phổ biến xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ (Hình 4b).



Hình 4: (a) Tổng lượng mưa (mm) TBNN từ 21/8-20/9; (b) Dự báo lượng mưa từ 21/8-20/9/2026

## 2.3. Cảnh báo thời tiết nguy hiểm

+ **Bão/áp thấp nhiệt đới (ATNĐ):** Trong thời kỳ từ 21/8-20/9/2026, bão/ATNĐ hoạt động trên khu vực Biển Đông và đổ bộ vào đất liền Việt Nam có khả năng tương đương so với TBNN (TBNN trên khu vực Biển Đông là 2,4 cơn và đổ bộ vào đất liền Việt Nam là 1,1 cơn).

+ **Nắng nóng:** Trong thời kỳ dự báo, NN tiếp tục xuất hiện tại khu vực Trung Bộ và tập trung nhiều hơn ở khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ với số ngày NN có khả năng cao hơn TBNN.

+ **Mưa vừa, mưa to:** Trong thời kỳ dự báo, mưa lớn diện rộng sẽ tập trung chủ yếu tại khu vực Bắc Bộ và các tỉnh từ Thanh Hóa-Tp.Huế; tại khu vực Cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ xuất hiện nhiều ngày có mưa rào và dông, có ngày có mưa vừa đến mưa to, thời gian mưa tập trung vào chiều và đêm.

+ Hiện tượng thời tiết nguy hiểm như dông, lốc, sét, mưa đá và gió giật mạnh có khả năng tiếp tục xuất hiện trên phạm vi cả nước.

#### ***2.4. Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế-xã hội***

Trên đất liền, hoạt động của xoáy thuận nhiệt đới, dải hội tụ nhiệt đới, các hình thể hội tụ gió ở các tầng khí quyển trên cao, gió mùa Tây Nam ở phía Nam có thể gây ra các đợt mưa diện rộng, nguy cơ xảy ra các hiện tượng thời tiết nguy hiểm như lốc, sét, mưa đá và gió giật mạnh; tại khu vực Trung Bộ hiện tượng NN và NN gay gắt, đặc biệt tại khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ có thể gây ảnh hưởng đáng kể đến các hoạt động dân sinh và sản xuất. Trên biển, cần đề phòng gió mạnh do ảnh hưởng của mưa dông cục bộ trên biển, gió mùa Tây Nam hoặc hoạt động của xoáy thuận nhiệt đới gây nguy hiểm cho hoạt động của tàu thuyền.

*Trong bối cảnh biến đổi khí hậu, thời tiết, khí hậu ngày càng diễn biến phức tạp với nhiều hình thái nguy hiểm, cực đoan. Do đó, đề nghị các cấp chính quyền và người dân thường xuyên cập nhật và tích hợp thông tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn trong các bản tin ngắn hạn 1-3 ngày, để kịp thời điều chỉnh các kế hoạch sản xuất, phương án ứng phó phù hợp đảm bảo an toàn cho các hoạt động sản xuất và dân sinh.*

### **3. Dự báo nhiệt độ trung bình, tổng lượng mưa từ ngày 21/8-20/9/2026**

| Địa điểm dự báo (Các trạm khí tượng đặc trưng-Tỉnh/Tp-Đài KTTV Khu vực) | Thời kỳ 21-31/8 |          | Thời kỳ 01-10/9 |          | Thời kỳ 11-20/9 |          | Cả thời kỳ |          |
|-------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------|-----------------|----------|-----------------|----------|------------|----------|
|                                                                         | Ttb (°C)        | TLM (mm) | Ttb (°C)        | TLM (mm) | Ttb (°C)        | TLM (mm) | Ttb (°C)   | TLM (mm) |
| <b>Sơn La-Sơn La (Đài KTTV Bắc Bộ)</b>                                  | 25,0-26,0       | 100-200  | 25,0-26,0       | 40-70    | 24,5-25,5       | 15-30    | 25,0-26,0  | 150-300  |
| <b>Lào Cai-Lào Cai (Đài KTTV Bắc Bộ)</b>                                | 28,0-29,0       | 120-220  | 28,0-29,0       | 70-120   | 27,5-28,5       | 30-60    | 28,0-29,0  | 230-380  |
| <b>Lạng Sơn-Lạng Sơn (Đài KTTV Bắc Bộ)</b>                              | 26,0-27,0       | 150-250  | 26,0-27,0       | 40-70    | 25,5-26,5       | 20-40    | 26,0-27,0  | 210-350  |
| <b>Việt Trì-Phú Thọ (Đài KTTV Bắc Bộ)</b>                               | 28,0-29,0       | 100-200  | 28,0-29,0       | 40-70    | 27,5-28,5       | 30-60    | 28,0-29,0  | 170-350  |
| <b>Hải Phòng-Tp. Hải Phòng (Đài KTTV Bắc Bộ)</b>                        | 27,5-28,5       | 150-250  | 27,5-28,5       | 50-100   | 27,0-28,0       | 50-80    | 27,5-28,5  | 300-430  |



| Địa điểm dự báo (Các trạm khí tượng đặc trưng-Tỉnh/Tp-Đài KTTV Khu vực) | Thời kỳ 21-31/8 |          | Thời kỳ 01-10/9 |          | Thời kỳ 11-20/9 |          | Cả thời kỳ |          |
|-------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------|-----------------|----------|-----------------|----------|------------|----------|
|                                                                         | Ttb (°C)        | TLM (mm) | Ttb (°C)        | TLM (mm) | Ttb (°C)        | TLM (mm) | Ttb (°C)   | TLM (mm) |
| <b>Hà Đông-Tp. Hà Nội (Đài KTTV Bắc Bộ)</b>                             | 28,0-29,0       | 110-210  | 28,0-29,0       | 50-100   | 27,5-28,5       | 40-70    | 28,0-29,0  | 200-380  |
| <b>Vinh-Nghệ An (Đài KTTV Trung Bộ)</b>                                 | 28,5-29,5       | 70-120   | 28,0-29,0       | 100-200  | 27,5-28,5       | 100-200  | 28,0-29,0  | 270-520  |
| <b>Huế-Tp. Huế (Đài KTTV Trung Bộ)</b>                                  | 28,5-29,5       | 30-70    | 28,0-29,0       | 50-110   | 27,0-28,0       | 100-200  | 28,0-29,0  | 200-380  |
| <b>Kon Tum-Quảng Ngãi (Đài KTTV Trung Bộ)</b>                           | 24,5-25,5       | 70-120   | 24,5-25,5       | 80-130   | 24,5-25,5       | 100-180  | 24,5-25,5  | 250-430  |
| <b>Quy Nhơn-Gia Lai (Đài KTTV Trung Bộ)</b>                             | 30,0-31,0       | 10-30    | 29,5-30,5       | 30-70    | 28,5-29,5       | 60-120   | 29,5-30,5  | 100-220  |
| <b>Nha Trang- Khánh Hòa (Đài KTTV Trung Bộ)</b>                         | 29,0-30,0       | 10-20    | 28,5-29,5       | 30-60    | 28,0-29,0       | 30-70    | 28,5-29,5  | 70-150   |
| <b>Buôn Ma Thuột-Đắk Lắk (Đài KTTV Trung Bộ)</b>                        | 24,5-25,5       | 70-120   | 24,5-25,5       | 80-150   | 24,0-25,0       | 100-200  | 24,5-25,5  | 250-450  |
| <b>Nhà Bè-Tp. Hồ Chí Minh (Đài KTTV Nam Bộ)</b>                         | 28,0-29,0       | 70-120   | 28,0-29,0       | 60-110   | 27,5-28,5       | 50-100   | 28,0-29,0  | 210-330  |
| <b>Cần Thơ-Tp. Cần Thơ (Đài KTTV Nam Bộ)</b>                            | 27,0-28,0       | 50-100   | 27,0-28,0       | 50-100   | 27,0-28,0       | 40-80    | 27,0-28,0  | 140-280  |

*Ghi chú:*

- Ttb: Giá trị nhiệt độ trung bình (đơn vị: độ C);
- R: Giá trị tổng lượng mưa (đơn vị: milimét);
- Chuẩn sai: Giá trị chênh lệch của nhiệt độ/lượng mưa so với TBNN (đơn vị: độ C/milimét);
- Tỷ chuẩn: Giá trị chênh lệch tương đối của lượng mưa so với TBNN (đơn vị: %),
- Các khu vực dự báo được điều chỉnh theo địa danh hành chính mới (Bảng 4- Phụ lục)

**Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: Trước 12h00 ngày 01/9/2026**

**Tin phát lúc: 12h00 ngày 21/8/2026./.**

**Soát tin: Trần Ngọc Vân**

**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



**Nguyễn Đức Hòa**

## Phụ lục

*Bảng 1: Các hiện tượng thời tiết nguy hiểm ở quy mô nhỏ trong thời kỳ từ 21/7-20/8/2026*

| Hiện tượng                     | Khu vực                                              | Thời gian                   |
|--------------------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------|
| Dông sét                       | Xã Mường Nhé, Điện Biên                              | 22/7/2026                   |
| Dông, lốc xoáy                 | Xã An Trạch, Cà Mau                                  | 23/7/2026                   |
| Lốc xoáy                       | Xã Đầm Dơi và Sông Đốc, Cà Mau                       | 24/7/2026                   |
| Dông, lốc                      | Đặc khu Trường Sa, Khánh Hoà                         | 24/7/2026                   |
| Mưa kèm dông, lốc              | Lào Cai và Sơn La                                    | tối 31/7 đến ngày 01/8/2026 |
| Mưa lớn, sạt lở đất, dông, sét | Sơn La, Lào Cai, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Thanh Hóa | đêm 03/8 đến ngày 06/8/2026 |
| Mưa lớn, sạt lở đất, dông lốc  | Thanh Hóa, Nghệ An, Lâm Đồng                         | ngày 05 - 07/8/2026         |
| Dông, lốc                      | Cao Bằng, Thái Nguyên                                | 12/08/2026                  |
| Dông, lốc                      | Thái Nguyên, Quảng Trị                               | 17/8/2026                   |
| Dông, lốc                      | Quảng Ngãi, Lâm Đồng                                 | 18/8/2026                   |
| Dông, lốc                      | Nghệ An, Hà Tĩnh và Quảng Ngãi                       | 19/8/2026                   |

*Bảng 2: Lượng mưa ngày trong thời kỳ từ 21/7-20/8/2026 vượt GTLS*

| STT | Trạm khí tượng (tỉnh/TP) | Lượng mưa cao nhất ngày tháng 7 | Ngày xuất hiện GTLS | Lượng mưa ngày vượt GTLS | Ngày xuất hiện |
|-----|--------------------------|---------------------------------|---------------------|--------------------------|----------------|
| 1   | Đồng Văn (Tuyên Quang)   | 73,6                            | 06/7/2018           | 75,4                     | 27/7/2026      |
| 2   | Đô Lương (Nghệ An)       | 206,8                           | 05/7/1981           | 207,6                    | 28/7/2026      |
| 3   | Phổ Ràng (Lào Cai)       | 71,9                            | 25/7/2025           | 103,9                    | 29/7/2026      |
| STT | Trạm khí tượng (tỉnh/TP) | Lượng mưa cao nhất ngày tháng 8 | Ngày xuất hiện GTLS | Lượng mưa ngày vượt GTLS | Ngày xuất hiện |
| 1   | Qùy Hợp (Nghệ An)        | 198,5                           | 17/8/2018           | 222,1                    | 20/8/2026      |
| 2   | Vinh (Nghệ An)           | 328,7                           | 24/8/2010           | 362,9                    | 20/8/2026      |
| 3   | Hương Sơn (Hà Tĩnh)      | 173,4                           | 06/8/2007           | 267,6                    | 20/8/2026      |



*Bảng 3: Nhiệt độ cao nhất tuyệt đối ngày trong thời kỳ từ 21/7-20/8/2026 đạt và vượt GTLS*

| STT | Trạm khí tượng<br>(tỉnh/TP) | Nhiệt độ cao<br>nhất ngày<br>tháng 7 và<br>tháng 8 | Ngày xuất hiện<br>GTLS  | Nhiệt độ<br>vượt<br>GTLS | Ngày xuất<br>hiện |
|-----|-----------------------------|----------------------------------------------------|-------------------------|--------------------------|-------------------|
| 1   | Ba Tri (Vĩnh Long)          | 35,3                                               | 03/7/2021               | 35,5                     | 22/s7/2026        |
| 2   | Trường Sa (Khánh Hòa)       | 34,2                                               | 09/8/2025               | 34,2                     | 03/8/2026         |
| 3   | Cần Thơ (Tp. Cần Thơ)       | 35,5                                               | 25/8/2020               | 35,5                     | 03/8/2026         |
| 4   | Mỹ Tho (Đồng Tháp)          | 35,6                                               | 02/8/2025               | 35,6                     | 03/8/2026         |
| 5   | Cà Mau (Cà Mau)             | 34,5                                               | 14/8/2024               | 34,6                     | 03/8/2026         |
| 6   | Trà Nóc (Tp. Cần Thơ)       | 34,0                                               | 21/8/2024               | 34,3                     | 04/8/2026         |
| 7   | Cam Ranh (Khánh Hòa)        | 39,0                                               | 03/8/2021               | 40,2                     | 08/8/2026         |
| 8   | Tuyên Quang (Tuyên Quang)   | 38,3                                               | 04/8/2025               | 38,5                     | 09/8/2026         |
| 9   | Hữu Lũng (Lạng Sơn)         | 38,0                                               | 04/8/2025               | 38,0                     | 10/8/2026         |
| 10  | Văn Lý (Ninh Bình)          | 36,8                                               | 22/8/1990               | 37,1                     | 10/8/2026         |
| 11  | Cô Tô (Quảng Ninh)          | 35,1                                               | 31/8/1992               | 35,4                     | 11/8/2026         |
| 12  | Mẫu Sơn (Lạng Sơn)          | 29,6                                               | 05/8/2021               | 30,1                     | 12/8/2026         |
| 13  | Bắc Mê (Tuyên Quang)        | 39,5                                               | 05/8/2021               | 40,0                     | 13/8/2026         |
| 14  | Phan Rí (Lâm Đồng)          | 36,8                                               | 23/8/2019               | 37,3                     | 13/8/2026         |
| 15  | Hoành Sơn (Hà Tĩnh)         | 38,4                                               | 10/8/2024               | 38,7                     | 17/8/2026         |
| 16  | Mường Tè (Lai Châu)         | 38,0                                               | 27/8/2020               | 38,1                     | 20/8/2026         |
| 17  | Móng Cái (Quảng Ninh)       | 36,5                                               | 09/8/2009;<br>10/8/2009 | 36,7                     | 20/8/2026         |
| 18  | Nha Trang (Khánh Hòa)       | 37,9                                               | 07/8/1976               | 38,0                     | 20/8/2026         |

*Bảng 4: Các khu vực dự báo theo địa danh hành chính mới*

| <b>STT</b> | <b>Khu vực</b>                 | <b>Gồm các tỉnh</b>                                                                                                                                                                  |
|------------|--------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | Khu vực Tây Bắc Bộ             | Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Lào Cai, khu vực phía Nam của tỉnh Phú Thọ (tỉnh Hòa Bình cũ)                                                                                           |
| 2          | Khu vực Đông Bắc Bộ            | Tuyên Quang, Cao Bằng, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Tp, Hải Phòng, Bắc Ninh, Hưng Yên, Ninh Bình, Tp, Hà Nội; khu vực phía Bắc của tỉnh Phú Thọ (tỉnh Vĩnh Phúc và Phú Thọ cũ) |
| 3          | Khu vực Thanh Hóa-Huế          | Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Tp, Huế                                                                                                                                      |
| 4          | Khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ | Tp. Đà Nẵng, Khánh Hòa và ven biển các tỉnh Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng                                                                                                   |
| 5          | Khu vực Cao nguyên Trung Bộ    | Phía Tây các tỉnh Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng,                                                                                                                            |
| 6          | Khu vực Nam Bộ                 | Tp. Đồng Nai, Tp. Hồ Chí Minh, Tây Ninh, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Tp. Cần Thơ, An Giang, Cà Mau                                                                                         |